

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Tên học phần: Thực hành nghề nghiệp 1

Tên tiếng Anh: Practicing Career 1

- Mã học phần: 011258

Số tín chỉ: 02

- Áp dụng cho ngành/chuyên ngành đào tạo: Chuyên ngành Luật Đầu tư & Kinh doanh

+ bậc đào tạo: Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính quy

+ Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

1.2. Khoa/Bộ môn/Giảng viên phụ trách học phần: Khoa Kinh tế - Luật / Bộ môn Luật

1.3. Mô tả học phần: Thực hành nghề nghiệp 1 là học phần tạo điều kiện cho sinh viên làm việc trong môi trường thực tế, học hỏi kinh nghiệm chuyên môn tại các đơn vị mà sinh viên thực hành nghề nghiệp.

Tổ chức để sinh viên đến thực hành nghề nghiệp 1 là các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh, các tổ chức phi chính phủ... Kết thúc học phần, sinh viên viết Báo cáo thực hành nghề nghiệp theo nhóm về các nội dung mà sinh viên đã thực hành tại các đơn vị.

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 10

+ Bài tập/Thảo luận 20

+ Tự học: 60

1.4 Các điều kiện tham gia học phần:

- Các học phần học trước: Các học phần kiến thức đại cương, cơ sở và ngành.

- Các học phần học song hành: Các học phần kiến thức chuyên ngành.

- Các yêu cầu khác đối với học phần:

+ Sinh viên phải tham gia các buổi học lý thuyết và thực hành đầy đủ nghiêm túc tại đơn vị mà sinh viên thực hành nghề nghiệp.

+ Sinh viên cần chủ động, tích cực trong học tập, rèn luyện thành thạo các kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc.

2. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Học phần được thiết kế với mục tiêu trọng tâm là tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, giúp cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến việc hành nghề Luật.

- Kiến thức: Học phần Thực hành nghề nghiệp 1 giúp cho sinh viên củng cố vững chắc kiến thức lý luận về Nhà nước và Pháp luật và kiến thức pháp luật thực định liên quan đến chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh như Luật Thương Mại, Luật Tài chính, Luật về tín dụng và chứng khoán, Luật đất đai và kinh doanh bất động sản...

- Kỹ năng: Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Đồng thời, sinh viên vận dụng thành thạo các kỹ năng tư vấn pháp luật, lập luận, tranh luận, đàm phán, soạn thảo hợp đồng. Bên cạnh đó, thực hành nghề nghiệp trong môi trường làm việc thực tiễn giúp cho sinh viên thực hiện được các kỹ năng về nghiệp vụ văn phòng.

- Thái độ: Học phần Thực hành nghề nghiệp 1 góp phần hình thành ở sinh viên thái độ tôn trọng pháp luật và tích cực chủ động trong học tập, làm việc. Đồng thời, học

phần này định hình cho sinh viên tác phong làm việc chuyên nghiệp và nêu cao tinh thần trách nhiệm khi thực hiện công việc.

3. CHUẨN ĐẦU RA

3.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu		Chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	Ks1	Nắm vững kiến thức lý luận thuộc lĩnh vực pháp lý.	Có kỹ năng soạn thảo công văn, soạn thảo văn bản, hợp đồng thương mại - Soạn thảo công văn, các biên bản họp, các loại văn bản hành chính của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức... Soạn thảo hợp đồng dân sự, hợp đồng thương mại
	Ks2	Đọc, hiểu và trình bày chính xác các quy phạm pháp luật về lĩnh vực đầu tư, kinh doanh.	
Kỹ năng	Ss1	Tra cứu và cập nhật văn bản quy phạm pháp luật.	Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và tự nghiên cứu tài liệu
	Ss2	Có kỹ năng tìm hiểu, phát hiện, nghiên cứu và vận dụng các quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	
	Ss3	Thực hiện kỹ năng tư vấn, lập luận, tranh luận về các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế.	
	Ss4	Thực hiện kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng.	
	Ss5	Thực hiện Báo cáo thực hành nghề nghiệp.	
	Ss6	Thực hiện kỹ năng về nghiệp vụ văn phòng.	
Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	As1	Có thái độ tôn trọng nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong công việc.	Có tư cách đạo đức chuẩn mực trong hoạt động nghề nghiệp
	As2	Hoàn thành công việc được giao từ đơn vị thực tập và Nhà trường.	
	As3	Có khả năng học bổ sung thêm kiến thức lý thuyết và bồi dưỡng kinh nghiệm thực tiễn.	
	As4	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.	

3.2. Ma trận liên kết nội dung của học phần với chuẩn đầu ra của học phần

TT	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học		
		Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
1	Phần mở đầu - Nêu vắn tắt tình hình đơn vị thực tập (Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ...) - Lý do lựa chọn chủ đề Báo cáo thực hành nghề nghiệp - Kế hoạch thực hiện báo cáo thực hành nghề nghiệp	Ks1	Ss1 Ss2 Ss5	As1 As2 As4
2	Phần nội dung - Trình bày và nêu nhận xét khái quát quá trình thực hiện công việc tại đơn vị liên quan đến nội dung báo cáo thực hành nghề nghiệp - Những hạn chế hoặc vướng mắc từ thực tiễn hoạt động thực tập liên quan đến nội dung báo cáo thực hành nghề nghiệp - Phân tích, so sánh giữa thực tế và lý thuyết đã học ở trường và rút ra bài học kinh nghiệm	Ks1 Ks2	Ss1 Ss2 Ss3 Ss4 Ss5 Ss6	As1 As2 As3 As4
3	Phần kết luận Khẳng định các kết quả đã đạt được trong quá trình thực thực hành nghề nghiệp, các bài học kinh nghiệm	Ks1 Ks2	Ss1, Ss2 Ss3, Ss4 Ss5, Ss6	As1 As2 As3 As4

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
Tuần 1, 2	- Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn, báo cáo về việc lựa chọn đề	4	2	4	20	Phương pháp đặt và giải	Đọc tài liệu và kiến tập	

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học				Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp (Bài tập/ Thảo luận)	Thực hành tại phòng máy, phân xưởng	Tự học, tự nghiên cứu			
	tài, viết đề cương. - Sinh viên không được thay đổi đề tài sau ngày kết thúc tuần 2					quyết vấn đề		
Tuần 3, 4	- Viết bản thảo Thực hành nghề nghiệp - Nộp bản thảo Thực hành nghề nghiệp cho giảng viên hướng dẫn	4	4	4	24	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	Đọc Tài liệu và kiến tập	
Tuần 5	-Sinh viên chỉnh sửa bản thảo. - Sinh viên viết bản chính thức	2	2	0	8	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	Đọc Tài liệu và kiến tập	
Tuần 6	- Xin xác nhận của đơn vị thực tập. - Sinh viên hoàn thiện và nộp Báo cáo Thực hành nghề nghiệp chính thức cho giảng viên và trao đổi nội dung toàn bộ đề tài.	0	2	2	8	Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề	Đọc Tài liệu và kiến tập	

- Đề cương Thực hành nghề nghiệp
- Kế hoạch Thực hành nghề nghiệp cụ thể của Khoa
- Tài liệu nghiệp vụ tại đơn vị kiến tập

5. HỌC LIỆU

Các tài liệu của các học phần đã học.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

6.1 Điểm quá trình: Trọng số 40% điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
Điểm chuyên cần: Sinh viên đi thực hành nghề nghiệp tại cơ sở và gặp giảng viên đầy đủ theo quy định	- Đánh giá thái độ của sinh viên đối với môn học - Đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân, tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	As1, As2, As3, As4	30%
Điểm soạn thảo đề cương: Sinh viên soạn thảo và chuẩn bị đề cương trước khi tiến hành viết báo cáo thực hành nghề nghiệp của môn học	Đánh giá mức độ kiến thức về và vận dụng kiến thức đã học để xây dựng đề cương bài báo cáo của môn học	As1, As2 Ss, Ss2 Ks1, Ks2	70%
Tổng			100%

6.2 Điểm kết thúc học phần: Trọng số 60% điểm học phần

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN
BÁO CÁO THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP Đánh giá nội dung sinh viên trình bày trong Báo cáo thực hành nghề nghiệp	Đánh giá về kiến thức: - Đánh giá khả năng ghi nhớ và vận dụng các vấn đề pháp lý. - Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết từng tình huống, nhận định cụ thể.	Ks1, Ks2,	40%
	Đánh giá về kỹ năng: - Đánh giá khả năng phân tích, lập luận để giải quyết tình huống. - Đánh giá được khả năng vận dụng tổng hợp được các kiến thức đã học để giải	Ss1, Ss2 Ss3, Ss4 Ss5, Ss6	50%

	quyết tình huống. - Đánh giá khả năng tư duy, phân tích, phản biện để bảo vệ được quan điểm cá nhân.		
	Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: - Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học; có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong từng tình huống thực tiễn. - Đánh giá tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc cập nhật kiến thức mới, nắm bắt kịp thời, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu cao trong công việc.	As2 As2, As3, As4	10%
Tổng			100%

Ban Giám hiệu ✓
Duyệt



PGS.TS Hồ Thủy Tiên

P. Trưởng khoa



Trưởng bộ môn



